

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ LONG KHÁNH  
TỈNH ĐỒNG NAI**

Bản án số: 75/2023/HSST  
Ngày 29/5/2023

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LONG KHÁNH, TỈNH ĐỒNG NAI**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Anh Kiệt.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Thế Nam;  
2. Ông Đinh Văn Thông.

***- Thư ký phiên tòa:*** Ông Nguyễn Quang Trực - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Long Khánh.

***- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Long Khánh tham gia phiên tòa:*** Bà Trần Huỳnh Như Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 5 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Long Khánh, tỉnh Đồng Nai mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 79/2023/TLST-HS ngày 05 tháng 5 năm 2023. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 74/2023/QĐXXST-HS ngày 12 tháng 5 năm 2022, đối với bị cáo:

Họ và tên: **Nguyễn Đức P** (Tên gọi khác: Cu lý), sinh năm 2000 tại Đồng Nai; Nơi cư trú: Ấp A, xã B, thành phố L, tỉnh Đồng Nai; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Không; Trình độ văn hóa: 8/12; Con ông Nguyễn Đức T, sinh năm 1960 và bà Nguyễn Thị Tuyết H, sinh năm 1959; Vợ, con: Chưa có. Tiền án: Không.

Tiền sự: Ngày 06/5/2021, bị Công an xã B, thành phố L, tỉnh Đồng Nai xử phạt 750.000 đồng về hành vi “Sử dụng trái phép chất ma túy”. Theo Quyết định số 06/QĐ-XPHC.

Nhân thân: Ngày 21/4/2022, bị Tòa án nhân dân thành phố Long Khánh, tỉnh Đồng Nai xử phạt 06 tháng tù về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”. Theo Bản án số 42/2022/HSST.

Bị bắt, tạm giam từ ngày 21/10/2022 tại Nhà tạm giữ Công an thành phố L cho đến nay. Có mặt.

***- Bị hại:***

+ Cháu Trần Nhật T1, sinh ngày 25/6/2006. Địa chỉ: Tổ B, ấp B, xã B, thành phố L, tỉnh Đồng Nai. Vắng mặt.

Người đại diện hợp pháp của cháu T1: Ông Trần Văn D, sinh năm 1978. Địa chỉ: Tổ B, ấp B, xã B, thành phố L, tỉnh Đồng Nai. Vắng mặt

+ Anh Lê Thiện N, sinh năm 1996. Địa chỉ: Số E, khu D, ấp N, xã X, huyện C, tỉnh Đồng Nai. Vắng mặt.

**- Người có quyền, nghĩa vụ liên quan:**

+ Anh Bùi Minh T2, sinh năm 1996. Địa chỉ: Khu phố C, phường X, thành phố L, tỉnh Đồng Nai. Có mặt.

+ Anh Đặng Thanh T3, sinh năm 1996. Địa chỉ: Ấp T, xã X, huyện X, tỉnh Đồng Nai. Vắng mặt

+ Anh Trần Ngọc P1, sinh năm 1990. Địa chỉ: Đường số G, khu phố N, phường B, thành phố L, tỉnh Đồng Nai. Vắng mặt.

+ Anh Cao Nguyễn Hoàng P2, sinh năm 1998. Địa chỉ: Khu phố R, phường B, thành phố L, tỉnh Đồng Nai. Vắng mặt.

+ Anh Trương Tất Đ, sinh năm 1993. Địa chỉ: Tiệm Đ đường N, khu phố B, phường X, thành phố L, tỉnh Đồng Nai. Vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Đức P là đối tượng sử dụng ma túy, không có nghề nghiệp ổn định, lợi dụng sự quen biết để mượn tài sản của người quen đem đi cầm để lấy tiền tiêu xài cá nhân, cụ thể:

Vụ thứ nhất: Khoảng 18 giờ ngày 03/12/2021, Nguyễn Đức P hỏi mượn chiếc xe mô tô Exciter, biển số: 60B6-410.03 của anh Lê Thiện N để đi có việc, do quen biết nên N đồng ý cho mượn. Sau khi mượn được xe mô tô, P nảy sinh ý định chiếm đoạt xe của N, P gọi điện thoại cho N nói xe bị Công an bắt, yêu cầu N phải đưa giấy chứng nhận đăng ký xe cho P để lấy xe, N đưa giấy đăng ký xe cho P. Sau đó, P gọi điện thoại cho Cao Nguyễn Hoàng P2 để nhờ P2 đi cầm cố dùm chiếc xe mô tô trên, P2 đồng ý. Do không có chứng minh nhân dân nên P2 gọi điện thoại cho Bùi Minh T2 để nhờ T2 đi cầm dùm xe, T2 hẹn sáng mai đến gặp nhau tại nhà của P2. Sáng ngày 05/12/2021, P điều khiển mô tô hiệu Exciter, biển số 60B6-410.03 đến nhà của P2, gặp T2 rồi cả ba đi đến tiệm C tại ấp B, xã B, thành phố L để cầm xe, T2 cầm xe với số tiền 10.000.000 đồng, T2 đưa cho P2 10.000.000 đồng, vì số tiền cầm xe là của P nên P2 hỏi mượn P 5.000.000 đồng, P2 đưa cho P số tiền 5.000.000 đồng còn 5.000.000 đồng P2 giữ lại để tiêu xài cá nhân.

Đến ngày 12/12/2021, P2 gọi điện thoại nhờ T2 kiếm người bán chiếc xe mô tô biển số 60B6-410.03 với giá 18.000.000 đồng, T2 nói cho P2 biết có người mua chiếc xe với giá 16.000.000 đồng, P2 đồng ý bán. Sau đó, T2 bán chiếc xe cho Đặng Thanh T3 với giá 18.000.000 đồng, T2 trả số tiền cầm cố xe

10.400.000 đồng, cho người giới thiệu mua xe 100.000 đồng và đưa cho P2 5.500.000 đồng, T2 hưởng lợi số tiền 2.000.000 đồng tiền chênh lệch bán xe.

Vụ thứ hai: Ngày 27/01/2022, T1 cùng với Trần Minh T4, sinh ngày 20/8/2006 chạy xe mô tô biển số 65F1-17491 đến nhà của P để nhờ P bán dùm xe. Sau đó, T1 và T4 ngủ lại qua đêm tại nhà của P và đến sáng ngày 28/01/2022, P chở T1 và T4 đến quán nước “D” thuộc ấp A, xã B, thành phố L để uống nước. Tại đây, P hỏi mượn điện thoại hiệu Oppo của T1 để sử dụng, khoảng 30 phút sau thì P nói đi ra L có việc và cầm theo chiếc điện thoại của T1, P đem điện thoại của T1 đến tiệm C1 tại phường X, thành phố L cầm được 1.700.000 đồng, P tiêu xài cá nhân hết. T1 và T4 không thấy P quay lại nên chạy xe về nhà.

Khoảng 06 giờ ngày 30/01/2022, P gặp T1 và T4 đang đứng bán chiếc xe mô tô biển số 65F1-17491 tại cửa hàng M do ông Trần Q, làm chủ, do cửa hàng mua với giá thấp nên P dẫn T1 và T4 đến tiệm sửa xe của Trần Ngọc P1 bán được 5.000.000 đồng. Sau khi bán xe, P nói T1 chở đến cửa hàng M để lấy xe mô tô mà P đang cầm cố, P lấy chiếc xe mô tô ra hết số tiền 3.500.000 đồng còn 1.500.000 đồng P nói với T1 dùng để lấy giấy tờ xe nên không đưa lại tiền cho T1, khi lấy được xe mô tô ra P lấy lý do mượn xe đi có việc mà không đưa xe cho T1 sử dụng như đã hứa, P sử dụng được hai ngày thì trả xe lại cho Q1 không rõ nhân thân, lai lịch là chủ sử dụng xe.

Tại cơ quan điều tra, Nguyễn Đức P đã thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 17/HĐĐGTSTTHS ngày 28/3/2022 Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thành phố L, kết luận một điện thoại di động hiệu OPP0 A53, màu xanh, đã qua sử dụng có giá trị 4.000.000 đồng; một xe máy hiệu Yamaha – Sirius, màu đỏ đen, biển số: 65F1-174.91, đã qua sử dụng có giá trị 5.000.000 đồng.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 18/HĐĐGTSTTHS ngày 28/3/2022 Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thành phố L, kết luận một xe máy hiệu Yamaha – Exciter, màu trắng đỏ, biển số: 60B6-410.03, đã qua sử dụng có giá 18.000.000 đồng.

Tại bản Cáo trạng số 110/CT-VKSLK ngày 15 tháng 11 năm 2022 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Long Khánh truy tố bị cáo Nguyễn Đức P phạm các tội: “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo khoản 1 Điều 174; điểm a khoản 1 Điều 175 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Long Khánh giữ nguyên cáo trạng truy tố các bị cáo Nguyễn Đức P về tội danh, điều luật áp dụng và đề nghị:

Căn cứ khoản 1, Điều 174, điểm a, khoản 1, Điều 175; điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) đề nghị áp dụng hình phạt

- Từ 10 tháng đến 12 tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

- Từ 18 tháng đến 24 tháng tù về tội “ Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”

- Hình phạt bổ sung: không.

b) Xử lý vật chứng:

- 01 xe mô tô hiệu EXCITER, màu trắng đỏ, mô tô biển số: 60B7-41003, hiện Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố L trả lại cho bị hại Lê Thiện N là chủ sở hữu hợp pháp.

- 01 chiếc điện thoại hiệu OPPO, màu xanh, Cơ quan cảnh sát điều tra công an thành phố L đã trả lại cho bị hại Trần Nhật T1 là chủ sở hữu hợp pháp.

- 01 xe mô tô biển số 65F1-174.91 có dấu hiệu bị làm giả biển số xe, giấy chứng nhận đăng ký xe, vì vậy tiếp tục tạm giữ để phục vụ công tác điều tra, xác minh tin báo vụ sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan tổ chức.

- Bị hại là anh Lê Thiện N và anh Trần Nhật T1 đã nhận lại tài sản, tài sản không bị hư hỏng nên không yêu cầu bồi thường.

- Anh Trần Ngọc P1 yêu cầu được bồi thường số tiền 5.000.000 đồng, bị can P đồng ý, nhưng hiện chưa có tiền để bồi thường;

- Anh Đặng Thanh T3 là người mua xe mô tô biển số: 60B7- 41003 yêu cầu bồi thường số tiền 18.000.0000 đồng.

- Tại phiên tòa P đồng ý bồi thường số tiền 10.500.000 đồng tiền cầm xe (cho T2).

- Mặc dù chưa xác định được T2 hay P1 là người muốn chiếm đoạt nên đem xe đi bán, nhưng T2 là người trực tiếp mang tiền đi chuộc xe ra và ký giấy mua bán với Đặng Thanh T3 và nhận số tiền 18.000.000 đồng từ Đặng Thanh T3 nên T2 phải có trách nhiệm bồi thường số tiền 18.000.000 đồng cho T3.

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Đức P thừa nhận hành vi phạm tội như Cáo trạng Viện kiểm sát truy tố và xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo khai nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung bản Cáo trạng đã nêu. Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án thể hiện:

Vụ thứ nhất: Khoảng 18 giờ ngày 03/12/2021, Nguyễn Đức P mượn chiếc xe mô tô Exciter, biển số: 60B6-410.03 của anh Lê Thiện N và nảy sinh ý định chiếm đoạt nên P nói dối với anh N là mượn xe đi có việc và bị Công an bắt nên yêu cầu anh N đưa giấy chứng nhận đăng ký xe cho P để lấy xe. Sau đó, P gọi điện thoại cho Cao Nguyễn Hoàng P2 để cầm cố dùm chiếc xe mô tô trên với số tiền 10.000.000 đồng để tiêu xài cá nhân.

Vụ thứ hai: Ngày 28/01/2022, P hỏi mượn điện thoại hiệu Oppo của T1 để sử dụng và đem chiếc điện thoại của T1 đến tiệm cầm đồ Huy A cầm được 1.700.000 đồng. Ngoài ra, khi biết T1 muốn bán xe máy biển số 65F1-174.91, P nảy sinh ý định chiếm đoạt nên bàn với T1 về việc đổi xe bằng cách đem bán xe của T1 để lấy tiền chuộc lại chiếc xe máy hiệu Sirius màu đỏ của P đang cầm cố tại cửa hàng M và giao cho T1 sử dụng. T1 tin tưởng nên đồng ý giao xe máy biển số 65F1-17491 để P bán cho anh Trần Ngọc P1 với giá 5.000.000 đồng. Sau khi bán xe, P mang tiền đi chuộc xe sirius màu đỏ đang cầm, khi chuộc được xe P không giao xe cho T1 như thỏa thuận mà mang xe đi trả cho anh Q1 và chiếm đoạt 5.000.000 đồng.

Như vậy, P đã dùng thủ đoạn gian dối đưa ra thông tin giả để bị hại tin tưởng giao tài sản và lợi dụng quan hệ và lòng tin của chủ sở hữu để mượn xe, điện thoại sau đó đem đi cầm lấy tiền tiêu xài và không khả năng chi trả, hành vi trên của P đã phạm vào tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo khoản 1 Điều 174; điểm a khoản 1 Điều 175 của Bộ luật hình sự như Cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố là đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3] Xét tính chất, mức độ nguy hiểm và hành vi phạm tội:

Hành vi phạm tội của bị cáo gây nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ và tình hình an ninh, trật tự tại địa phương. Bị cáo có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi chiếm đoạt tài sản là vi phạm, bị pháp luật ngăn cấm, nhưng vẫn thực hiện tội phạm. Ngoài ra, bị cáo là người có tiền sự, có nhân thân xấu, nhưng không ăn năn hối cải mà vẫn tiếp tục phạm tội, thể hiện sự xem thường pháp luật. Do đó, cần cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhằm đảm bảo biện pháp cải tạo, giáo dục riêng, đồng thời có tác dụng chung trong việc đấu tranh và phòng ngừa tội phạm.

[4] Xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Bị cáo Nguyễn Đức P không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[5] Về hình phạt bổ sung: Xét thấy bị cáo Nguyễn Đức P không có tài sản riêng nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[6] Về xử lý vật chứng:



- Đối với một xe mô tô và 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô Sirius, biển số 65F1-174.91, mang tên Nguyễn Thanh P3, ngụ tại khu vực Trảng Thò B, phường T, quận T, thành phố Cần Thơ chưa xác định được nguồn gốc của xe nên cần tiếp tục tạm giữ xác minh, xử lý sau.

- Đối với một chiếc xe mô tô hiệu Exciter, biển số 60B7-41003 của anh Lê Thiện N và 01 chiếc điện thoại hiệu OPPO A53, màu xanh của Trần Nhật T1, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố L trả lại cho chủ sở hữu là hợp pháp.

[7] Về trách nhiệm dân sự:

- Anh Lê Thiện N và anh Trần Nhật T1 đã nhận lại tài sản và không yêu cầu bồi thường nên không xem xét.

- Anh Trần Ngọc P1 yêu cầu được bồi thường số tiền 5.000.000 đồng là có cơ sở. Tại phiên tòa bị cáo P3 đồng ý bồi thường số tiền trên cho anh P1, nên được ghi nhận.

- Anh Đặng Thanh T3 là người mua xe mô tô biển số: 60B7- 41003 yêu cầu bồi thường số tiền 18.000.0000 đồng. Tại phiên tòa, bị cáo P3 tự nguyện bồi thường cho anh T3 số tiền 10.500.000 đồng và anh Bùi Minh T2 tự nguyện bồi thường cho anh T3 số tiền 7.500.000 đồng. Xét yêu cầu này là tự nguyện nên được ghi nhận.

Tách và dành quyền khởi kiện cho bị cáo Nguyễn Đức P và anh Bùi Minh T2 đối với Cao Nguyễn Hoàng P2, khi có yêu cầu.

[8] Vấn đề khác: Đối với hành vi của Cao Nguyễn Hoàng P2 biết xe mô tô Exciter, biển số: 60B6-410.03 không phải xe của Nguyễn Đức P nhưng vẫn giúp P đem đi cầm cố như vậy hành vi của Cao Nguyễn Hoàng P2 là đồng phạm của bị cáo P. Ngoài ra, trong quá trình cầm cố xe, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Bùi Minh T2 khai P2 đã nhờ T2 bán chiếc xe mô tô biển số 60B6 - 410.03 thông qua tin nhắn Messenger. Do đó, Hội đồng xét xử kiến nghị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố L tiếp tục xác minh, điều tra làm rõ trách nhiệm của Cao Nguyễn Hoàng P2 và xử theo quy định pháp luật.

[8] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự và dân sự sơ thẩm, anh Bùi Minh T2 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[9] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Long Khánh phù hợp phần nhiều với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1, Điều 174; điểm a khoản 1 Điều 175; điểm s khoản 1, Điều 51; Điều 38 và Điều 55 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

1. Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Đức P phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Đức P 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”; 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”. Tổng hợp hình phạt của 02 tội buộc bị cáo chấp hành hình phạt chung là 03 (ba) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 21/10/2022.

2. Về xử lý vật chứng: Tiếp tục tạm giữ một xe mô tô và 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô Sirius, biển số 65F1-174.91, mang tên Nguyễn Thanh P3, ngụ tại khu vực Trảng Thọ B, phường T, quận T, thành phố Cần Thơ để xác minh, xử lý sau.

3. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật hình sự và Điều 586; Điều 589 Bộ luật dân sự năm 2015, buộc:

- Bị cáo Nguyễn Đức P phải bồi thường cho anh Trần Ngọc P1 số tiền 5.000.000 (năm triệu) đồng và bồi thường cho anh Đặng Thanh T3 số tiền 10.500.000 (Mười triệu năm trăm nghìn) đồng.

- Anh Bùi Minh T2 phải bồi thường cho anh Đặng Thanh T3 số tiền 7.500.000 (Bảy triệu năm trăm nghìn) đồng.

Tách và dành quyền khởi kiện cho bị cáo Nguyễn Đức P và anh Bùi Minh T2 đối với Cao Nguyễn Hoàng P2, khi có yêu cầu.

Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn đề nghị thi hành án mà người phải thi hành án không thi hành hoặc thi hành không đầy đủ số tiền phải thi hành án thì người phải thi hành án còn phải chịu tiền lãi của số tiền chưa thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chậm thi hành án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Về án phí: Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo phải nộp 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm và 775.000 (bảy trăm bảy mươi lăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm. Anh Bùi Minh T2 phải chịu 375.000 (Ba trăm bảy mươi lăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm

5. Về quyền kháng cáo: Bị cáo được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Riêng bị hại, người đại diện hợp pháp của bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo

bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Đồng Nai;
- STP tỉnh Đồng Nai;
- VKSND TP. Long Khánh;
- CA TP. Long Khánh;
- CQ THADS TP. Long Khánh;
- CQ THAHS CA tỉnh Đồng Nai;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu HS;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Phan Anh Kiệt**